| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ CẦN THƠ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 5647 /QĐ-UBND | *Cần Thơ, ngày 06 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Dự án phát triển giống vật nuôi chất lượng cao thuộc Đề án phát triển giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản chất lượng tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 – 2020**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Cần Thơ.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

1. Tên dự án: Dự án phát triển giống vật nuôi chất lượng cao thuộc Đề án phát triển giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản chất lượng tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 – 2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ).

3. Địa điểm xây dựng: Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Hậu Giang).

4. Thời gian khởi công - hoàn thành: Ngày 29/11/2019 - Ngày 15/12/2020.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư.

1. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng.*

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| | **Tổng số** | **325.592.000.000** | **2.953.289.000** |
| 1 | Chi phí xây dựng | 75.439.000.000 | - |
| 2 | Chi phí thiết bị | 97.851.000.000 | 2.247.400.000 |
| 3 | Chi phí quản lý dự án | 1.179.000.000 | - |
| 4 | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 986.000.000 | 352.740.000 |
| 5 | Chi phí khác | 149.046.000.000 | 353.149.000 |
| 6 | Chi phí dự phòng | 1.091.000.000 | - |

2. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT | Nội dung | Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Thực hiện | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6=4-5* | *7=5-4* |
| | **Tổng cộng** | **325.592.000.000** | **2.953.289.000** | **2.953.289.000** | - | - |
| **1** | **Vốn khác** | **325.592.000.000** | **2.953.289.000** | **2.953.289.000** | | |
| - | Vốn ngân sách nhà nước (sự nghiệp kinh tế) | 46.881.000.000 | 1.108.289.000 | 1.108.289.000 | | |
| - | Vốn tư nhân | 278.711.000.000 | 1.845.000.000 | 1.845.000.000 | | |

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng.*

| Số TT | Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao cho đơn vị khác quản lý | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực tế | Quy đổi | Thực tế | Quy đổi |
| | **Tổng số** | - | - | **2.953.289.000** | - |
| 1 | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | - | - | 2.939.889.000 | - |
| 2 | Tài sản ngắn hạn | | | 13.400.000 | |

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản: Không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính, Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính: Thực hiện lưu trữ thông tin, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chặt chẽ, đầy đủ và đúng quy định pháp luật; chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực toàn bộ hồ sơ, số liệu trình phê duyệt quyết toán và nội dung đề xuất.

2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá, giá trị đề nghị thanh toán, tính đúng đắn của số liệu hồ sơ quyết toán.

b) Được phép tất toán chi phí và nguồn vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **Tổng số** | **2.953.289.000** | |
| **1** | **Vốn khác** | **2.953.289.000** | |
| - | Vốn ngân sách nhà nước (sự nghiệp kinh tế) | 1.108.289.000 | |
| - | Vốn tư nhân | 1.845.000.000 | |

c) Tổng các khoản công nợ theo báo cáo quyết toán của chủ đầu tư và bảng đối chiếu số liệu cấp phát thanh toán là:

- Tổng nợ phải trả (các khoản Chủ đầu tư phải thanh toán tiếp tục): **0 đồng**.

- Tổng nợ phải thu (các khoản Chủ đầu tư phải thu hồi): **0 đồng**.

Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành tất toán tài khoản của dự án theo đúng quy định.

3. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/ cố định | Tài sản ngắn hạn |
|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Hậu Giang | 2.939.889.000 | 13.400.000 |

**Điều 4.** Quyết định này thay thế Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIX, Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Hậu Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 5;
- UBND TP (1);
- VP. UBND TP (2H, 3D);
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, Đ.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




**Trần Chí Hùng**